ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3942 /UBND-NNTNMT V/v cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.	*Thái Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2014*

Kính gửi:
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Ủy ban nhân dân các huyện: Kiến Xương, Thái Thụy, Hưng Hà, Tiền Hải, Đông Hưng, Vũ Thư;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà.

Xét đề nghị của Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình tại Tờ trình số 115/TTr-QĐTPT ngày 26/12/2014 về việc cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Giao Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà tiếp tục cấp xi măng cho các xã, thị trấn thuộc các huyện Kiến Xương, Thái Thụy, Hưng Hà, Tiền Hải, Đông Hưng, Vũ Thư đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 14/VP-TB ngày 29/4/2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, bảo quản, sử dụng xi măng, với tổng khối lượng 6.238,10 tấn, trong đó:

+ Huyện Kiến Xương:	2.057,60 tấn;
+ Huyện Thái Thụy:	930,50 tấn;
+ Huyện Hưng Hà:	425,00 tấn;
+ Huyện Tiền Hải:	1.616,40 tấn;
+ Huyện Đông Hưng:	728,10 tấn;
+ Huyện Vũ Thư:	480,50 tấn;

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo),

Số lượng xi măng trên đã được phê duyệt tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Yêu cầu:

+ Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng cấp cho các xã, thị trấn thuộc các huyện Kiến Xương, Thái Thụy, Hưng Hà, Tiền Hải, Đông Hưng và Vũ Thư trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

+ Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo khối lượng xi măng được cấp tại Công văn này;

+ Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện Kiến Xương, Thái Thụy, Hưng Hà, Tiền Hải, Đông Hưng, Vũ Thư, Doanh nghiệp cung ứng xi măng: giao xi măng cho các xã, thị trấn theo khối lượng được cấp tại Công văn này;

+ Ủy ban nhân dân các huyện Kiến Xương, Thái Thụy, Hưng Hà, Tiền Hải, Đông Hưng, Vũ Thư, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn được cấp xi măng hỗ trợ thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng, thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định của tỉnh và quy định của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG CẤP CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC CÁC HUYỆN KIẾN XƯƠNG, THÁI THỤY, HƯNG HÀ, TIỀN HẢI, ĐÔNG HƯNG VÀ VŨ THƯ

(Kèm theo Công văn số 3941/UBND-NNTNMT ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh).

TT	Huyện/xã, thị trấn	Lượng xi măng được duyệt (tấn)	Lượng xi măng đã nhận (tấn)	Lượng xi măng được cấp tiếp (tấn)	Thời gian nhận
I	**Kiến Xương**			**2.057,60**	
1	Quang Trung	2.405,30	1.979,10	406,40	28/12/2014 - 05/01/2015
2	Vũ Quý	1.056,70	546,10	132,50	28/12/2014 - 31/12/2014
3	Nam Bình	3.180,30	2.068,10	731,30	28/12/2014 - 20/01/2015
4	Minh Hưng	3.459,30	1.921,10	787,40	28/12/2014 - 20/01/2015
II	**Thái Thụy**			**930,50**	
1	Thái Học	2.543,60	2.263,40	32,70	28/12/2014 - 29/12/2014
2	Thụy Ninh	2.333,80	2.261,30	72,50	28/12/2014 - 31/12/2014
3	Thụy Quỳnh	2.896,70	2.461,20	210,00	28/12/2014 - 31/12/2014
4	Thái Nguyên	1.333,30	1.162,30	171,00	28/12/2014 - 31/12/2014
5	Thụy Việt	1.964,30	1.520,00	444,30	28/12/2014 - 10/01/2015
III	**Hưng Hà**			**425,00**	
1	Thị trấn Hưng Hà	819,90	528,00	145,00	28/12/2014 - 31/12/2014
2	Hòa Bình	2.488,80	1.907,70	280,00	28/12/2014 - 05/01/2015
IV	**Tiền Hải**			**1.616,40**	
1	Đông Hải	1.091,60	968,30	123,80	28/12/2014 - 31/12/2014
2	Bắc Hải	4.562,90	2.882,95	410,00	28/12/2014 - 10/01/2015
3	Nam Hải	3.954,20	3.560,70	193,70	28/12/2014 - 31/12/2014
4	Tây Lương	3.513,30	2.281,30	639,00	28/12/2014 - 15/01/2015
5	Nam Chính	3.663,50	2.174,40	249,90	28/12/2014 - 10/01/2015
V	**Đông Hưng**			**728,10**	
1	Liên Giang	4.124,50	3.401,10	300,00	28/12/2014 - 15/01/2015
2	Hồng Giang	3.536,00	2.855,90	428,10	28/12/2014 - 15/01/2015
VI	**Vũ Thư**			**480,50**	
1	Duy Nhất	6.843,10	5.989,70	480,50	28/12/2014 - 05/01/2015
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)				**6.238,10**	
(Sáu nghìn hai trăm ba mươi tám tấn, một trăm kilôgam).					

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh
Thời gian ký số:
29/12/2014 15:48:20